TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THUẬN AN** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2022/DS-ST
Ngày: 20 - 5 - 2022
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng (vay tài sản).

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thanh Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Thiện;

2. Ông Lê Văn Công.

- Thư ký phiên tòa: Bà Thái Thị Yến – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa*:** Bà Trần Thị Lý Loan – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Thuận An, xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 185/2021/TLST-DS ngày 22 tháng 12 năm 2021 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng (vay tài sản)", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2022/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 09/2022/QĐST – DS ngày 05 tháng 5 năm 2022, giữa:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Q; địa chỉ trụ sở: Tầng 1 (tầng trệt) và Tầng 2, Tòa nhà Sailing Tower -111A Pasteur, phường B, Quận 1, Thành phố H; địa chỉ liên lạc: Tầng 6, tòa nhà PaxSky – Số 26 Ung Văn Khiêm, Phường 25, quận B, Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Quang T, sinh năm 1994; trú tại: Tầng 6, tòa nhà PaxSky – Số 26 Ung Văn Khiêm, Phường 25, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh (theo giấy ủy quyền ngày 13/12/2021). Có mặt

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Đại T, sinh năm 1978; địa chỉ: 633 khu phố N, phường L, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 08/4/2021 và quá trình tố tụng, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Nguyễn Quang T trình bày:

Ngày 05/11/2018, Ngân hàng TMCP Q có ký với ông Nguyễn Đại Thợp đồng tín dụng 0538/HĐTD-VIB655/18. Nội dung hợp đồng: Ngân hàng TMCP Q cho ông

Nguyễn Đại T vay số tiền 440.000.000 đồng; mục đích vay: Mua ô tô tiêu dùng (vay mua 01 xe ô tô nhãn hiệu Hyundai, loại Elantra, biển kiểm soát: 61A-536.48); thời hạn cho vay là 84 tháng, Tngày 06/11/2018 đến ngày 05/11/2025; lãi suất tại thời điểm giải ngân là 9,9%/năm. Lãi suất này là lãi suất ưu đãi và chỉ áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân khoản vay. Hết thời hạn ưu đãi, lãi suất sẽ được điều chỉnh lại 03 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở theo quy định của Ngân hàng Q tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 4%/năm. Hoàn trả khoản vay gốc hàng tháng vào cùng ngày trả lãi, mỗi tháng trả 5.240.000 đồng, số còn lại trả vào cuối kỳ. Ngày trả lãi hàng tháng vào ngày 30. Kỳ trả nợ dầu tiên vào ngày 30/11/2018. Trả phí theo quy định Q Trong thời kỳ. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Theo đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 0538/KUNN-VIB655/18 ngày 05/11/2018, Ngân hàng Q đã giải ngân cho ông Nguyễn Đại T số tiền 440.000.000 đồng. Để bảo đảm nghĩa vụ thanh toán khoản nợ tín dụng, ông Nguyễn Đại T đồng ý sử dụng chiếc xe ô tô nêu trên là tài sản bảo đảm cho khoản nợ tín dụng trên.

Tính đến ngày 30/9/2020 thì ông Nguyễn Đại T đã thanh toán cho Ngân hàng Q được số tiền 193.031.314 đồng (gốc: 115.280.000 đồng, lãi 77.751.314 đồng) thì ngưng không trả. Do đó, Ngân hàng Q đã chuyển khoản vay thành khoản nợ quá hạn.

Nay TMCP Q khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Đại T trả số tiền nợ vay theo hợp dồng tín dụng tính đến ngày 20/5/2022 là 431.525.280 đồng, trong đó tiền nợ gốc: 324.720.000 đồng, nợ lãi: 106.805.280 đồng. Không yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm.

Tiền lãi phát sinh sẽ được tiếp tục tính theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số số 0538/HĐTD-VIB655/18 ngày 05/11/2018 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp để chứng minh yêu cầu khởi kiện: Hợp đồng tín dụng số 0538/HĐTD-VIB655/18 ngày 05/11/2018; Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ.

Bị đơn ông Nguyễn Đại Tđã được triệu tập hợp lệ theo quy định nhưng không có văn bản trình bày ý kiến và không tham gia tố tụng.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án, việc chấp hành pháp luật của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Sau khi nghiên cứu tài liệu có tại hồ sơ vụ án, thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết qủa tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Toà án đã tiến hành thông báo và tống đạt hợp lệ các văn bản tống tụng cho bị đơn theo đúng quy định tại các Điều 175, 177, 196, 208 và Điều 220 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nhưng bị đơn ông Nguyễn Đại Tvẫn cố tình vắng mặt. Như vậy,

việc bị đơn vắng mặt được xem là từ bỏ quyền trình bày, đưa ra chứng cứ, chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Do đó, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật tại Khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ Hợp đồng tín dụng số 0538/HĐTD-VIB655/18 ngày 05/11/2018; đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ ngày 05/11/2018 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP Q và ông Nguyễn Đại T thể hiện nội dung: Ngân hàng TMCP Q có cho ông Nguyễn Đại T vay số tiền 440.000.000 đồng, mục đích vay là để mua xe ô tô tiêu dùng, thời hạn vay là 84 tháng, tài sản bảo đảm là chiếc xe ô tô nhãn hiệu Hyundai, loại Elantra, biển kiểm soát: 61A-536.48 nên quan hệ tranh chấp là tranh chấp hợp đồng tín dụng (vay tài sản) theo quy định tại Khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[1.3] Về thẩm quyền giải quyết: Căn cứ đơn khởi kiện, biên bản xác minh ngày 14/01/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An xác định bị đơn ông Nguyễn Đại T có hộ khẩu thường trú tại 633 khu phố N, phường L, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm b Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ vay theo hợp đồng tín dụng ký kết giữa hai bên tính đến ngày 20/5/2022 là 431.525.280 đồng, trong đó tiền nợ gốc: 324.720.000 đồng, nợ lãi: 106.805.280 đồng. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng nhưng không có văn bản trình bày ý kiến và không tham gia tố tụng, xem như tự Tbỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình, do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ để giải quyết.

Xét hợp đồng tín dụng số 0538/HĐTD-VIB655/18 ngày 05/11/2018 được giao kết giữa Ngân hàng TMCP Q và ông Nguyễn Đại T đã thể hiện ý chí tự nguyện thỏa thuận giữa hai bên. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Nguyễn Đại T đã thanh toán được cho Ngân hàng VIB được số tiền 193.031.314 đồng (gốc: 115.280.000 đồng, lãi 77.751.314 đồng. Kể Tngày 30/9/2020 đến thời điểm Ngân hàng Q khởi kiện, ông T không thanh toán tiếp số tiền nợ đến hạn, như vậy ông T đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền gốc và lãi theo thỏa thuận, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của Ngân hàng. Do đó, nguyên đơn Ngân hàng TMCP Q (VIB) khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Đại T trả số tiền nợ vay theo hợp dồng tín dụng tính đến ngày 20/5/2022 là 431.525.280 đồng, trong đó tiền nợ gốc: 324.720.000 đồng, nợ lãi: 106.805.280 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Về xử lý tài sản bảo đảm: Tại đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn không yêu cầu Tòa án xử lý tài sản bảo đảm đối với chiếc xe ô tô nhãn hiệu Hyundai, loại Elantra, biển kiểm soát: 61A-536.48 nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Tiền lãi được tiếp tục tính kể từ ngày 21/5/2022 cho đến khi ông Nguyễn Đại T trả xong các khoản nợ theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 0538/HĐTD-VIB655/18 ngày 05/11/2018.

[3] Từ nhận định trên, Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn về tranh chấp hợp đồng tín dụng.

[4] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở và phù hợ5

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải trả nợ theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm b Khoản 1 Điều 39; Điều 147; Khoản 2 Điều 227; Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015;

- Điều 91 và Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Khoản 2 Điều 91 Luật các Tổ chức Tín dụng năm 2010;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Q (VIB) đối với bị đơn ông Nguyễn Đại T.

Buộc ông Nguyễn Đại T phải trả cho Ngân hàng TMCP Q số tiền nợ vay tính đến ngày 20/5/2022 là: 431.525.280 đồng, trong đó tiền nợ gốc: 324.720.000 đồng, nợ lãi: 106.805.280 đồng.

Tiền lãi được tiếp tục tính kể từ ngày 21/5/2022 cho đến khi ông Nguyễn Đại T thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 0538/HĐTD-VIB655/18 ngày 05/11/2018.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Đại T phải chịu 21.261.011 đồng (Hai mươi mốt triệu, hai trăm sáu mươi mốt nghìn, không trăm mười một đồng).

Trả lại cho Ngân hàng TMCP Q số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.950.385 đồng (Tám triệu, chín trăm năm mươi nghìn, ba trăm tám mươi lăm đồng) theo biên lai thu số 0001831 ngày 20/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể Tngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể Tngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thuận An;
- Chi cục THADS thành phố Thuận An;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Thanh Thủy